Sao y; QH-HĐND tỉnh Hà Tĩnh;
04/11/2026 16:46:14

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 29/2026/NQ-HĐND	*Hà Tĩnh, ngày 22 tháng 10 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh và bố trí vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đối với nguồn vốn được giao tại Quyết định số 1039/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 46/2026/QH16 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15;

Căn cứ các nghị định của Chính phủ: số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP; số 387/2026/NĐ-CP quy định nội dung, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Thực hiện Quyết định số 1039/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán ngân sách trung ương, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2026 cho các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 và Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 751/TTr-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí,

định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh và bố trí vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, đối với nguồn vốn được giao tại Quyết định số 1039/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản số 618/HĐND-VHXH ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với việc xây dựng Nghị quyết; Báo cáo thẩm tra số 996/BC-HĐND ngày 21 tháng 10 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận, biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh và bố trí vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đối với nguồn vốn được giao tại Quyết định số 1039/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh và bố trí vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (sau đây gọi là Chương trình), đối với nguồn vốn được giao tại Quyết định số 1039/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ trong phạm vi áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 53 Nghị định số 387/2026/NĐ-CP quy định nội dung, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình;

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch đầu tư công và dự toán kinh phí sự nghiệp năm 2026 từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

Điều 2. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15), Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể của Chương trình; bảo đảm phân bổ vốn không vượt quá tổng mức vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, tập trung vào các nội dung cần ưu tiên thực hiện trước nhằm tạo đột phá trong phát triển văn hóa:

a) Các nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; xây dựng, phát triển con người toàn diện;

b) Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa các cấp và một số nhiệm vụ mà nhà nước cần đầu tư để dẫn dắt, định hướng, chi phối, tạo nền tảng để thu hút toàn xã hội tham gia phát triển văn hóa, đặc biệt là các nhiệm vụ phát triển công nghiệp văn hóa;

c) Các nhiệm vụ về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa;

d) Hỗ trợ các địa phương có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội khó khăn.

4. Căn cứ tổng mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ (bao gồm vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp) và nguồn vốn ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân bổ, bảo đảm đồng bộ, không chồng chéo, không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung, hoạt động với các chương trình mục tiêu quốc gia khác. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các cơ quan và phân cấp triệt để cho các cấp chính quyền địa phương.

Điều 3. Nguyên tắc bố trí và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương

1. Nguyên tắc bố trí vốn đối ứng của ngân sách địa phương: trên cơ sở nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách trung ương cho tỉnh Hà Tĩnh, căn cứ tỷ lệ số bổ sung cân đối/tổng chi cân đối ngân sách địa phương từ 40% đến dưới 60%, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định bố trí kinh phí đối ứng phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương nhưng không thấp hơn tỷ lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này. Đồng thời, lồng ghép, huy động các nguồn lực hợp pháp khác, trong đó có đề án, chính sách của ngành có cùng mục tiêu với Chương trình để thực hiện nội dung của Chương trình.

2. Tỷ lệ vốn đối ứng từ nguồn ngân sách địa phương: ngân sách cấp tỉnh bố trí vốn đối ứng tối thiểu bằng 20% tổng số vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 4. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh cho cấp xã

1. Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các xã, phường

a) Tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng xã

Các xã: hệ số 4,0

Các phường: hệ số 2,0;

b) Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các xã, phường theo quy mô dân số

Các xã, phường có dân số dưới 15.000 người: hệ số 0,4

Các xã, phường có dân số từ 15.000 người đến dưới 20.000 người: hệ số 0,6

Các xã, phường có dân số từ 20.000 người trở lên: hệ số 1,1;

c) Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các xã, phường theo quy mô diện tích

Các xã, phường có diện tích dưới 50 km^2: hệ số 0,2

Các xã, phường có diện tích từ 50 km^2 đến dưới 100 km^2: hệ số 0,5

Các xã, phường có diện tích từ 100 km^2 trở lên: hệ số 1,3;

d) Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các xã, phường theo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

Di tích quốc gia đặc biệt: hệ số 4,75

Di tích quốc gia: hệ số 1,4.

2. Phương pháp tính mức vốn được phân bổ

a) Căn cứ vào các tiêu chí để tính ra điểm số của từng xã, phường và tổng điểm của các xã, phường để phân bổ vốn ngân sách nhà nước (bao gồm ngân sách trung ương hỗ trợ và ngân sách tỉnh) cho ngân sách cấp xã, theo các công thức sau:

Gọi số điểm của tiêu chí phân bổ theo đối tượng xã của xã, phường thứ i là A_i

Gọi số điểm của tiêu chí phân bổ theo quy mô dân số của xã, phường thứ i là B_i

Gọi số điểm của tiêu chí phân bổ theo quy mô diện tích của xã, phường thứ i là C_i

Gọi số điểm của tiêu chí phân bổ theo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh của xã, phường thứ i là D_i (D_i bằng tổng số điểm của tiêu chí phân bổ theo di tích quốc gia đặc biệt và di tích quốc gia của xã, phường thứ i).

Tổng điểm của xã, phường thứ i gọi là X_i: $X_i = A_i + B_i + C_i + D_i$

n là tổng số xã, phường được phân bổ vốn ngân sách trung ương hoặc ngân sách tỉnh

Tổng số điểm của các xã, phường trên địa bàn tỉnh là Y: $Y = \sum_{i=1}^{n} X_i$;

b) Số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm ngân sách trung ương hỗ trợ và ngân sách tỉnh) hỗ trợ cho ngân sách cấp xã được tính theo công thức:

Gọi K là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm ngân sách trung ương hỗ trợ và ngân sách tỉnh) hỗ trợ cho ngân sách cấp xã

Gọi V_i là số vốn ngân sách hỗ trợ cho ngân sách xã, phường thứ i:

$$V_i = \frac{K}{Y} \times X_i$$

Điều 5. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh

1. Nhiệm vụ của Chương trình do sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh được giao chủ trì thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Khối lượng nhiệm vụ, tiến độ thực hiện và nhu cầu vốn để thực hiện nhiệm vụ của Chương trình theo kế hoạch đầu tư công, dự toán chi thường xuyên năm 2026 và dự toán ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh năm 2026 được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc được bổ sung, điều chỉnh theo quy định của pháp luật.

3. Nội dung, tính chất và phạm vi của nhiệm vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, khả năng thực hiện của sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh bảo đảm không trùng lặp về nội dung chi và đối tượng thụ hưởng với nhiệm vụ đã phân cấp cho địa phương, nhiệm vụ thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án khác hoặc nhiệm vụ chi khác đã được bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh.

4. Kết quả thực hiện nhiệm vụ và kết quả giải ngân vốn của sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh các năm trước liền kề.

Điều 6. Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh

1. Phân bổ vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh

Căn cứ dự toán, kế hoạch vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình được cấp có thẩm quyền giao; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ quy định tại Nghị quyết này và điều kiện thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân bổ theo nội dung thành phần đến cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Định mức phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh

Phần vốn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh được phân bổ cho các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh để thực hiện nhiệm vụ quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện Chương trình, các nội dung, nhiệm vụ có quy mô cấp tỉnh và các nhiệm vụ khác do cấp có thẩm quyền giao. Mức vốn bố trí cho từng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh được xác định theo các tiêu chí quy định tại Điều 5 Nghị quyết này.

3. Định mức phân bổ vốn cho cấp xã

Tổng số vốn phân bổ cho cấp xã được xác định bằng tổng số vốn thực hiện Chương trình thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết này trừ số vốn bố trí thực hiện các nhiệm vụ cấp tỉnh do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định. Mức vốn bố trí cho từng xã, phường được xác định theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết này.

Phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ chi tiết kinh phí chi thường xuyên theo từng nội dung, hoạt động và lĩnh vực chi của Chương trình trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 10 năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khóa XIX, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 22 tháng 10 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán nhà nước khu vực II;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Thường trực: Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Hà Tĩnh;
- Trung tâm Thông tin và Xúc tiến, hỗ trợ đầu tư tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ$_5$, TH$_1$.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Lĩnh